

Số: 384/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 22 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 290/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Vũ H (Vũ Hoài N), sinh năm 1977;

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đặng Thị Lan A, sinh năm 1979;

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ H (Vũ Hoài N) và bà Đặng Thị Lan A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2001, có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2001, Quyền số 01 đăng ký ngày 22/10/2022, tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận D, Thành phố Hải Phòng) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà A và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thiếu sự quan tâm lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong giải quyết việc gia đình và nuôi dạy con cái nay cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Đặng Thị Lan A và ông Vũ H (Vũ Hoài N) không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 32 ngày 09/4/2003 của Ủy ban nhân dân phường E, Quận F, Thành phố Hải Phòng và Giấy khai sinh số 22 ngày 06/03/2009 của Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Vũ H (Vũ Hoài N) và bà Đặng Thị Lan A, ông bà có 02 (hai) con chung là Vũ Đăng Thái M (nam), sinh ngày 24/01/2003 (đã trưởng thành) và Vũ Đăng Lan C (nữ), sinh ngày 24/12/2008.

Cả hai thỏa thuận, sau ly hôn giao con Vũ Đăng Lan C cho cha trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà A cấp dưỡng. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tự giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung

[5] Về lệ phí việc dân sự: bà Đặng Thị Lan A và ông Vũ H (Vũ Hoài N) chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ H (Vũ Hoài N) và bà Đặng Thị Lan A thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2001, Quyền số 01 đăng ký ngày 22/10/2001 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận D, Thành phố Hải Phòng).

1.2 Về con chung: Ông Vũ H (Vũ Hoài N) và bà Đặng Thị Lan A có 02 (hai) con chung, họ và tên Vũ Đăng Thái M (nam), sinh ngày 24/01/2003 (đã trưởng thành) và Vũ Đăng Lan C (nữ), sinh ngày 24/12/2008.

Cả hai thỏa thuận giao cho ông Vũ H (Vũ Hoài N) trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Đăng Lan C; bà A không cấp dưỡng.

Bà A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3 Về tài sản chung: cả hai đương sự tự giải quyết.

1.4 Về nợ chung: cả hai đương sự xác nhận không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng Ông Vũ H (Vũ Hoài N) và Bà Đặng Thị Lan A tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014388 ngày 26 tháng 05 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân

sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vũ H (Vũ Hoài N) và Bà Đặng Thị Lan A đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong